TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/DS-PT
Ngày 18 - 7 - 2023
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 67/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2023/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 5, xã Long T, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Quảng Th, sinh năm 1963; Địa chỉ: Văn phòng giao dịch – Văn phòng Luật sư Đ, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt khi xét xử, có mặt khi tuyên án)

***Bị đơn*:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 2, xã Long T, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970, trú tại: Thôn 2, xã Long T, huyện P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

* *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 15/5/2020 âm lịch (tức ngày 05/7/2020 dương lịch), bà Hoàng Thị L mở dây hụi gồm 20 người, số tiền chơi hụi là 3.000.000 đồng/tháng, trong dây hụi này thì bà Th chơi một chân đến lúc bà Th đóng được 13 tháng (vào khoảng tháng 6, 7/2021) thì bà L thông báo dừng và trả lại tiền cho bà Th với số tiền 39.000.000 đồng (số tiền được lĩnh), do thời điểm đó bà Th đang trên Bệnh viện chợ rẫy chăm mẹ ốm và khi về tới địa phương phải bị cách ly 14 ngày nên không đến lấy tiền được, bà có gọi điện thoại cho bà L mang số tiền đến nhưng bà L bảo cho mượn lại ít hôm, khoảng 2, 3 tháng sau bà Th điện thoại hỏi tiền thì bà L nói mắc Covid đang đi cách ly, sau đó bị hậu covid nên có khất lại đến tháng 12/2021.

Dây hụi thứ hai mở vào ngày 12/8/2020 âm lịch (tức ngày 28/9/2020 dương lịch) thì giữa bà Th với bà L có chơi dây hụi số tiền góp là 3.000.000 đồng/tháng, có 15 người tham gia trong đó bà Th chơi hai chân, theo dây hụi thì sẽ kết thúc vào ngày 15/10/2021 âm lịch, trong dây hụi này bà Th đóng hai chân từ dây thứ 1 đến dây thứ 14 còn dây 15 đến lượt bà Th hốt nên không đóng tiếp. Số tiền trong hai dây hụi này bà Th được lĩnh là 84.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi (chơi ba chân) bà Th được lĩnh là 123.000.000đồng (trong đơn khởi kiện bà Th có ghi số tiền đóng 129.000.000đ có nghĩa bà Th phải đóng đủ 15 dây hụi (hai chân ngày 12/8/2020 âm lịch. Vì vậy, bà Th tự trừ đi số tiền hai dây hụi 6.000.000 đồng nên mới còn số tiền 123.000.000 đồng). Bà L đã trả cho bà Th số tiền 53.200.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bà Th ghi số tiền bà L trả là 60.100.000đ sở dĩ có số tiền này là bà Th cộng cả 6.000.000 đồng hai chân hụi mà bà Th phải đóng (tuy nhiên bà Th không đóng mà tự trừ luôn) và số tiền 900.000 đồng tiền đầu thảo của ba chân hụi (tuy nhiên số tiền này bà Th cũng không đóng mà tự trừ luôn). Số tiền 53.200.000đồng trả chung cho ba chân hụi nên nay bà L còn nợ lại là 69.800.000 đồng.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án buộc bà L phải tiếp tục trả số tiền 69.800.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18/9/2021 dương lịch cho đến nay theo lãi suất 10%/năm x 9 tháng. Ngoài ra bà Th không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà xác nhận bà Th có chơi của bà 03 chân hụi, chân hụi thứ nhất chơi vào ngày 15/5/2020 âm lịch, hai chân hụi còn lại bà Th chơi vào ngày 12/8/2020 âm lịch. Chân hụi thứ nhất bà L đã thanh toán đầy đủ không còn nợ nần bất kỳ gì với bà Th. Hai chân hụi còn lại do dịch covid và bà L bị bệnh nên kết thúc dây

hụi trước 04 tháng và trả tiền, thanh toán cho các thành viên chơi hụi, dây hụi này là 15 người, số tiền phải đóng là 3.000.000đ/tháng, bà L đã giao tiền hết cho bà Th, không còn nợ nần gì với bà Th cả ba chân hụi này, việc trả tiền cho bà Th thì thông qua nhiều hình thức lúc chuyển khoản, lúc đưa trực tiếp ngoài đường, lúc nhờ chồng là ông Nguyễn Thanh H mang đến đưa. Việc bà Th trình bày với Tòa như thế nào thì bà không biết, bà chỉ biết trong dây hụi này không còn nợ nần gì với bà Th nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Việc chơi hụi giữa bà L với bà Th ông không tham gia nên không liên quan gì. Tuy nhiên trong quá trình bà L thanh toán tiền hụi thì có nhờ ông mang số tiền hụi đến trả cho bà Th, cụ thể lần thứ nhất 45.000.000 đồng; Lần thứ hai trả 36.000.000 đồng, khi đưa bà Th có đếm tiền đầy đủ còn việc thanh toán cụ thể chơi hụi như thế nào thì ông không biết. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông thống nhất với ý kiến của vợ ông là không đồng ý việc khởi kiện của bà Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Th số tiền nợ hụi 20.900.000 đồng và 3.157.000 đồng tiền lãi chậm trả. Tổng cộng 24.057.000 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/02/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bà Nguyễn Thị Th xác định bà L đã trả cho bà Th số tiền 60.100.000 đồng (trừ hụi 20.000.000 đồng, ông H giao 20.000.000 đồng, chuyển khoản 20.000.000 đồng và con gái bà Th lấy 100.000 đồng). Các bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và khẳng định việc chơi hụi được chơi với hình thức hụi có lãi và chủ hụi có quyền nhận hoa hồng 300.000 đồng/1 lần hụi viên hốt hụi và phải có nghĩa vụ choàng hụi cho các hụi viên khi họ chậm nộp và có quyền yêu cầu họ nộp lại. Bị đơn bà Hoàng Thị L xác định chứng từ về chơi hụi không được lập theo quy định của pháp luật mà bà L chỉ ghi chung trong sổ bán hàng tạp hóa của gia đình nên đến nay không còn để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án; hiện

nay các dây hụi đã kết thúc và giữa bà L với các thành viên khác không có tranh chấp.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Sự việc các bên góp hụi là có thật nhưng không rõ là bao nhiêu, ông H, bà L không cung cấp chứng cứ cho số tiền 81.000.000 đồng, bà Th không chứng minh được số tiền hụi được hốt là 123.000.000 đồng nên căn cứ lời thừa nhận của các đương sự để xác định số tiền các bên góp hụi và trả hụi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự chơi hụi với nhau, trong đó bà L làm chủ hụi và bà Th cùng nhiều người khác là hụi viên nhưng bà Th không biết những người này và bà L không cung cấp danh sách hụi viên cũng như bà L và bà Th thống nhất về số chân hụi, dây hụi và quyền, nghĩa vụ của chủ hụi nên không cần thiết phải đưa những hụi viên khác tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ lại mình số tiền chơi 02 dây hụi là 69.800.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th được chứng minh qua lời trình bày của bà Th và những người làm chứng (các thành viên tham gia dây hụi) do bà Th cung cấp. Bị đơn bà L mặc dù thừa nhận bà Th có chơi 03 chân hụi nhưng lại cho rằng đã trả hết tiền hụi cho bà Th nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà Th; bà L không xác định được số tiền đã nhận và đã trả cho bà Th cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc chơi hụi theo yêu cầu của Tòa án.

Lời khai của bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị T chỉ xác định có tham gia chơi hụi với bà L và bà Th nhưng hai bà không biết được số tiền bà Th đã đóng hay số tiền bà Th được hốt là bao nhiêu.

Xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định vào ngày 15/5/2020 âm lịch bà Th có chơi một chân hụi số tiền thỏa thuận góp 3000.000đ/tháng/chân của dây hụi 20 người. Ngày 12/8/2020 âm lịch bà Th tiếp tục chơi hai chân hụi số tiền thỏa thuận góp 3.000.000 đồng/tháng/chân của dây hụi 15 người. Ba chân hụi đang chơi thì bà L thông báo dừng và thanh toán việc chơi hụi cho các thành viên trong đó có bà Th. Việc chơi hụi và thông báo dừng chơi hụi được các bên thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Th cho rằng bị đơn bà L chưa thanh toán hết số tiền chơi hụi mà bà L được hưởng nên bà Th yêu cầu bà L phải tiếp tục trả số tiền nợ hụi 69.800.000 đồng. Lời trình bày của bà Th không được bà L chấp nhận.

Xét quá trình góp hụi của bà Th cho bà L là có thật, tuy nhiên việc góp hụi cụ thể số tiền bao nhiêu, phương thức thanh toán như thế nào thì bà Th không chứng minh được, bà chỉ xác định số tiền được hốt được của dây hụi mở ngày 07/5/2020 là 3.000.000 đồng x 13 kỳ = 39.000.000 đồng; dây hụi mở ngày 28/9/2020 là 02 chân x 3.000.000 đồng/tháng x 14 kỳ = 84.000.000 đồng, tổng cộng hai dây là 123.000.000 đồng. Ngược lại, bà L không xác định được số tiền hụi bà Th đã đóng mà chỉ xác định đã trả hết cho bà Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H (chồng bà L) xác định đã giao cho bà Th hai lần với tổng số tiền là 81.000.000 đồng nhưng bà L, ông H cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh trong khi bên bà Th chỉ thừa nhận mới nhận được số tiền 60.100.000 đồng. Bên cạnh đó, bà Th cho rằng số tiền bà được hốt hụi tổng cộng 123.000.000 đồng là không phù hợp thực tế và tập quán tại địa phương vì hụi các bên chơi là hụi có lãi và hai chân hụi ngày 28/9/2020 bà Th hốt chót thì bà không phải đóng kỳ 14 và 15 nên số tiền bà đóng hay được hốt không thể là 84.000.000 đồng được.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th cung cấp file ghi âm trên điện thoại của bà Th mà bà cho rằng đó là nội dung buổi nói chuyện về thanh toán nợ hụi giữa bà Th với gia đình ông H, bà L. Tuy nhiên, file âm thanh không được giám định, không có văn bản ghi lại lời của các đương sự và Hội đồng xét xử không nghe rõ cuộc nói chuyện và không nghe được nội dung liên quan đến số tiền bà Th đóng hụi cho bà L cũng như số tiền bà L phải trả cho bà Th nên không thể sử dụng làm cơ sở giải quyết vụ án.

Do các bên đương sự không xác định và chứng minh được số tiền đã đóng hụi và số tiền phải trả hụi là bao nhiêu nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào

lời thừa nhận của bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H xác định đã thanh toán tiền hụi cho bà Th 81.000.000 đồng là số hụi bà L phải trả cho bà Th để buộc bà L trả tiếp số tiền còn thiếu 20.900.000 đồng (81.000.000 đồng – 60.100.000 đồng) cùng tiền lãi là phù hợp, nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P. Vì vậy kháng cáo của nguyên đơn bà Th không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng các Điều 471 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc bà Hoàng Thị L phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Th số tiền nợ hụi 20.900.000 đồng và 3.157.000 đồng tiền lãi chậm trả. Tổng cộng 24.057.000 (Hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị L phải nộp số tiền 1.202.000 đồng (Một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 2.445.000 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

1.857.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự số 0015799 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước. Bà Th còn phải nộp 588.000 đồng (Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016058 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Nhum